

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2020

V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Chuyên

2. Ông Ngô Văn Bê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 23/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXX-ST ngày 10/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 115/2020/QĐ-ST ngày 30/11/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Văn Qu, sinh năm: 1987 (vắng mặt),

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tân Mỹ, xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh B.

- Bị đơn: Chị Giáp Thị D, sinh năm: 1991 (vắng mặt),

Nơi ĐKKHKT: Thôn Ải, xã Ngọc Th, huyện Tân Y, tỉnh B. (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của chị Giáp Thị D tại Việt Nam là Thôn Ải, xã Ngọc Th, huyện Tân Y, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 29/7/2020 Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Qu trình bày:

Anh và chị Giáp Thị D có được tự do tìm hiểu và được sự nhất trí của hai bên gia đình đã tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/9/2001 tại UBND xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị D về làm dâu tại gia đình anh, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu chị D đi lao động tại Đài Loan thì vợ chồng vẫn liên lạc với nhau. Nhưng một thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa cách nhau và từ năm 2016 thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Giáp Thị D.

Về con chung: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Qu còn trình bày: Hiện nay chị D vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh có hỏi địa chỉ của chị D nhưng chị D không cung địa chỉ ở nước ngoài cho anh, chị D vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố đẻ của chị D là ông Giáp Văn V, sinh năm 1967, trú tại: Thôn Ải, xã Ngọc Th, huyện Tân Y, tỉnh B cũng không cung cấp địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị D được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Giáp Thị D.

Bị đơn chị Giáp Thị D không có bản tự khai.

Ngày 22/10/2020 và ngày 06/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Giáp Thị D là ông Giáp Văn V, sinh năm 1967; trú tại: Thôn Ải, xã Ngọc Th, huyện Tân Y, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông V thông báo cho chị D biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Qu và chị Giáp Thị D; yêu cầu chị D viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông V cung cấp địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông V vẫn giữ nguyên quan điểm là chị D ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị D, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị D biết để chị D gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị D gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn Qu vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Giáp Thị D vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Qu; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị D là ông Giáp Văn V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Văn Qu có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Giáp Thị D không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Giáp Thị D; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị Giáp Thị D là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Qu. Xử cho anh Nguyễn Văn Qu được ly hôn chị Giáp Thị D.

Anh Nguyễn Văn Qu phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn Qu là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Qu.

Đối với bị đơn chị Giáp Thị D vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị D là ông Giáp Văn V để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông V thông báo cho chị D biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn Qu với chị Giáp Thị D, yêu cầu ông V cung cấp địa chỉ cụ thể của chị D ở nước ngoài. Ông Giáp Văn V trình bày: Chị D vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên,

Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông V vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị D cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị D biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Giáp Thị D theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn Qu là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Giáp Thị D, chị D hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 15985/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 18/9/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị D xuất nhập cảnh 03 lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 12/12/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị D ở Việt Nam là: Thôn Ải, xã Ngọc Th, huyện Tân Y, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Qu và chị Giáp Thị D kết hôn năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Qu trình bày: Sau khi kết hôn anh và chị D chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2015 chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian đầu khi mới sang Đài Loan thì vợ chồng vẫn liên lạc quan tâm đến nhau. Nhưng một thời gian sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm đến nhau nữa, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và sống xa cách nhau lâu ngày. Nên từ năm 2016 đến nay thì vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Giáp Thị D.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Qu. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Qu và chị D chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2015 thì chị D đi nước ngoài lao động. Do vợ chồng sống xa nhau lâu ngày không tìm được tiếng nói chung, nên thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không ai quan tâm tới ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Qu và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Qu. Xử cho anh Nguyễn Văn Qu được ly hôn chị Giáp Thị D.

[4]. Về con chung: Anh Qu và chị D không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Qu không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Qu phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Qu được ly hôn với chị Giáp Thị D

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Qu phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000798 ngày 02/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Nguyễn Văn Qu đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn Qu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Giáp Thị D hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Noinhân:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Lăng Sơn, huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chuyển Ngô Văn Bê

Trần Thị Hà

